



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÀNH NAM
COTANA.,JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16/13* /TBHĐQT-TN

Hà Nội, ngày *30* tháng *08* năm 2013

V/v: Công bố thông tin – BCTC bán niên
hợp nhất có soát xét năm 2013

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM
2. Mã chứng khoán: CSC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
4. Điện thoại: 04.35632763/64 Fax: 04.35632762
5. Người ủy quyền công bố thông tin: Hoàng Việt Hùng
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất có soát xét năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam được lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.cotanagroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT



HOÀNG VIỆT HÙNG



Số : 560-13/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được lập ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 37 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

2022
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
VIỆT I
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		313.255.972.523	343.764.858.433
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.468.381.663	21.970.072.510
1 Tiền	111	V.1.	18.468.381.663	21.970.072.510
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	563.044.635	762.762.535
1 Đầu tư ngắn hạn	121		567.367.410	767.367.410
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.322.775)	(4.604.875)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.888.259.767	133.264.224.243
1 Phải thu của khách hàng	131		85.964.076.076	101.018.368.081
2 Trả trước cho người bán	132		14.185.169.615	17.102.584.271
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	13.760.814.876	15.165.072.691
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.800.800)	(21.800.800)
IV Hàng tồn kho	140		168.272.460.368	178.763.304.020
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	168.272.460.368	178.763.304.020
V Tài sản ngắn hạn khác	150		12.063.826.090	9.004.495.125
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		940.548.583	95.957.909
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.870.123	1.188.251.290
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	273.140.693	40.997.644
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		10.732.266.691	7.679.288.282
B TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+240+250+260+269)	200		310.386.971.928	325.449.563.236
I Các khoản phải thu dài hạn	210		95.580.000	95.580.000
4 Phải thu dài hạn khác	218		95.580.000	95.580.000
II Tài sản cố định	220		97.301.703.153	111.729.306.255
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	36.205.860.093	38.356.488.330
- Nguyên giá	222		54.361.600.788	56.367.823.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.155.740.695)	(18.011.335.598)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7.	1.409.339.282	1.604.264.062
- Nguyên giá	225		2.539.576.024	2.539.576.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.130.236.742)	(935.311.962)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	3.153.499.999	3.161.134.702
- Nguyên giá	228		3.211.243.989	3.253.041.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.743.990)	(91.907.287)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9.	56.533.003.779	68.607.419.161
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.	211.737.579.590	210.708.961.977
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		41.644.197.037	41.765.777.838
3 Đầu tư dài hạn khác	258		170.311.605.501	168.963.034.072
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(218.222.949)	(19.849.933)
V Tài sản dài hạn khác	260		1.252.109.185	2.915.715.004
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	1.127.109.185	1.089.291.874
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17.	-	88.700.244
3 Tài sản dài hạn khác	268		125.000.000	1.737.722.886
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		623.642.944.451	669.214.421.669

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2013	01/01/2013
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		522.040.392.856	566.845.219.175
I Nợ ngắn hạn	310		301.100.585.505	331.699.729.830
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	87.277.743.812	83.852.351.263
2 Phải trả người bán	312		67.988.018.813	84.637.016.923
3 Người mua trả tiền trước	313		43.019.994.730	40.070.000.274
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	6.908.346.565	6.745.896.062
5 Phải trả người lao động	315		14.907.693.336	21.731.373.294
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	8.508.054.669	5.436.267.705
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	71.085.907.775	87.612.239.949
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.404.825.805	1.614.584.360
II Nợ dài hạn	330		220.939.807.352	235.145.489.345
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.1	190.277.454.010	206.546.014.010
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	11.729.462.522	9.486.077.083
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.17.	99.318.483	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18.	18.833.572.337	19.113.398.252
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		91.148.740.415	91.325.066.053
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	91.148.740.415	91.325.066.053
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		30.225.000.000	30.225.000.000
4 Cổ phiếu quỹ	414		(873.770.000)	(873.770.000)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.830.273.689	2.815.676.354
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.533.411.395	2.456.358.697
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.433.825.331	6.701.801.002
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		10.453.811.180	11.044.136.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		623.642.944.451	669.214.421.669

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Nguyễn Thế Chiến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20.	138.274.926.434	114.823.195.496
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		138.274.926.434	114.823.195.496
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21.	129.287.296.986	104.739.032.117
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.987.629.448	10.084.163.379
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	144.642.343	170.555.852
7 Chi phí tài chính	22	VI.23.	4.455.185.567	5.210.122.905
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.260.459.315	5.173.458.064
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.158.540.095	5.942.077.330
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(481.453.871)	(897.481.003)
11 Thu nhập khác	31		45.454.639	493.432.493
12 Chi phí khác	32		315.908.352	272.485.591
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(270.453.713)	220.946.902
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		(776.215.567)	9.074.337.511
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(1.528.123.151)	8.397.803.410
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24.	66.830.308	231.621.143
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.25.	194.391.686	58.231.554
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.789.345.145)	8.107.950.713
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(511.225.030)	(523.894.333)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(1.278.120.115)	8.631.845.046
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27.	(258)	330

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thế Chiến

Trần Trọng Đại

Đình Thị Minh Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.528.123.151)	8.397.803.410
2. Điều chỉnh cho các khoản			6.469.410.383	7.411.444.864
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.153.705.875	2.403.155.528
- Các khoản dự phòng	03		198.090.916	5.387.124
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.796.620	(22.926)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(144.642.343)	(170.532.926)
- Chi phí lãi vay	06		4.260.459.315	5.173.458.064
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.941.287.232	15.809.248.274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.515.208.200	13.882.828.967
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.490.843.652	(21.463.336.660)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(52.444.999.422)	(29.694.429.287)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(882.407.985)	456.278.792
- Tiền lãi vay đã trả	13		(563.852.056)	(4.977.517.730)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.919.717.791)	(69.487.659)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.735.552.657	2.011.968.920
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.630.335.972)	(19.898.992.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.758.421.486)	(43.943.438.417)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.403.145)	(1.425.398.345)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.055.454.545	241.112.449
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(785.830.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.520.000.000)	(100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		171.428.571	8.199.796.412
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		144.642.343	170.532.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.016.122.314	6.300.212.942
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.924.851.500	80.760.988.257
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.668.548.897)	(72.093.161.082)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(224.406.179)	(224.406.179)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(791.288.099)	(474.355.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.240.608.325	7.969.065.995
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.501.690.847)	(29.674.159.480)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.970.072.510	34.583.504.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(517.253)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	18.468.381.663	4.908.828.240

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Thế Chiến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)